TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự Do - Hạnh phúc

Bản án số: 62/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 13-8-2019
V/v**:** "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Phước Hiệu

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Lưu Trọng Kim

2/ Bà Nguyễn Thị Bình

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Mai Thảo Chi - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Đức Linh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2019 tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận, xét xử sơ thẩm, công khai vụ án thụ lý số 119/2019/TLST-HNGĐ, ngày 19/4/2019 về việc "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 133/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/7/2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Cẩm N, sinh năm 1995. Nơi cư trú: tổ 5, thôn 4, xã D, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Bị đơn: Anh Hoàng Anh Đ, sinh năm 1995. Nơi cư trú: tổ 7, thôn 3, xã T, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 08/4/2019, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Lê Thị Cẩm N trình bày: Sau thời

gian 04 năm tìm hiểu, chị và anh Hoàng Anh Đ tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T vào ngày 16/3/2016. Chị và anh Đ có 01 con chung tên Hoàng Khả Nhi, sinh ngày 16/02/2017. Chung sống hạnh phúc được khoảng 02 năm thì anh chị bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh Đ không chí thú làm ăn mà ham mê cờ bạc. Chị và gia đình nội ngoại đã khuyên nhủ nhiều lần nhưng anh Đ vẫn không thay đổi. Vì lý do đó mà đầu tết nguyên đán năm 2017 chị đã dọn về nhà cha mẹ ruột sinh sống, vợ chồng chị ly thân từ đó đến nay không còn quan tâm nhau, thăm hỏi nhau. Nay chị nhận thấy không thể tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân này được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn. Về con chung, tài sản chung và nợ chung, chị N không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, TAND huyện Đức Linh đã thông báo thụ lý vụ án và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn không có mặt nên không thể lấy lời khai của anh Đ cũng như tiến hành phiên họp theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh trình bày quan điểm như sau: Về thủ tục tố tụng thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn chấp hành đúng theo triệu tập của Tòa án; Bị đơn chưa thực hiện đúng, đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, không chấp hành theo triệu tập của Tòa án. Về nội dung thì căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, thấy rằng: hôn nhân giữa chị N và anh Đ đã không còn hạnh phúc, vợ chồng ly thân thời gian dài không hàn gắn được tình cảm. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định pháp luật để xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp: Trên cơ sở đơn khởi kiện của nguyên đơn, TAND huyện Đức Linh đã xác định quan hệ tranh chấp " Ly hôn" là đúng pháp luật.

Về thẩm quyền giải quyết: Căn cứ Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì TAND huyện Đức Linh thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền. Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng anh Đ vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Đ là đúng quy định pháp luật.

Về áp dụng án lệ: Sau khi rà soát các án lệ đã được Chánh án TANDTC công bố thì thấy rằng: nội dung tranh chấp của vụ án này không có những tình tiết, sự kiện tương tự đã được nêu trong án lệ nên Hội đồng xét xử không áp dụng án lệ mà căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết vụ án này.

[2] Về nội dung: Xét thấy chị N và anh Đ tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn theo đúng quy định pháp luật. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Căn cứ lời khai của chị N và giấy khai sinh do UBND xã T cấp cho người được khai sinh tên Hoàng Khả N, sinh ngày 16/02/2017 thì có đủ cơ sở xác định, Khả N là con chung của chị N và anh Đ. Căn cứ Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định đây là sự thật.

Trên cơ sở các chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án và lời khai của chị N tại phiên tòa thấy rằng, quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh Đ đã không còn hạnh phúc, vợ chồng ly thân thời gian dài vẫn không hàn gắn được tình cảm, hiện tại mỗi người sống một nơi, không còn quan tâm, qua lại thăm hỏi nhau. Quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, chị N luôn cho rằng anh Đ thường xuyên cờ bạc nên đã làm mất lòng tin nơi chị và làm ảnh hưởng đến kinh tế gia đình. Đây chính là nguyên nhân chính dẫn đến việc chị N kiên quyết yêu cầu ly hôn. Lời khai này của chị N phù hợp với kết quả xác minh của Tòa án về tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh Đ. Ngoài ra, tại phiên tòa, chị N xác nhận không còn tình cảm vợ chồng với anh Đ. Từ đó có sở sở khẳng định tình cảm vợ chồng giữa chị N và anh Đ đã thật sự rạn nứt, đời sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N là có căn cứ và đúng pháp luật.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không tranh chấp và không yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét trong bản án này.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm án phí, lệ phí Tòa án thì chị N là người khởi kiện ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là đúng quy định.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2014; Luật thi hành án dân sự 2008; Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Cẩm N.

- Về hôn nhân: Tuyên bố Lê Thị Cẩm N ly hôn Hoàng Anh Đ.

2/ Về án phí**:** Chị Lê Thị Cẩm N phải chịu 300.000 đồng án phí DSST về ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0025271 ngày 19/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Linh. Chị N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3/ Báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày tuyên án (13/8/2019); Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được hoặc ngày bản án được niêm yết, để Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- THADS huyện;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Trần Phước Hiệu